

Message Text

UNCLASSIFIED

PAGE 01 BANGKO 16730 01 OF 06 140449Z

12

ACTION ITFE-00

INFO OCT-01 EA-09 ISO-00 SSO-00 DHA-02 ORM-01 L-03 AID-05

DODE-00 INSE-00 VOE-00 SCA-01 CIAE-00 INR-07 NSAE-00

INRE-00 /029 W

----- 060762

O R 140217Z AUG 75

FM AMEMBASSY BANGKOK

TO SECSTATE WASHDC IMMEDIATE 9528

INFO CG CAMP PENDLETON

CG FORT CHAFFEE ARK

ELGIN AFB FLA

CINCPACREP GUAM

INDIANTOWN GAP MR, PENN.

WAKE ISLAND

UNCLAS SECTION 1 OF 6 BANGKOK 16730

E.O. 11652: N/A

TAGS: SREF TH FLIGHTS

SUBJ: ICEM CHARTER FROM THAILAND TO US

ATTN: IATF

REF: STATE 189201

1. THE FOLLOWING IS ALIST OF 483 VIETNAMESE AND
CAMBODIAN REFUGEES WHO DEPARTED UTAPAO AIR BASE TO
THE US ON AUGUST 8:

1. CAO VAN LUYEN

2. CAO VAN TAP

3. CAO XUAN SON

4. NGUYEN THI XUAH THU

5. CAO THI KY

6. CHU VAN HUNG

UNCLASSIFIED

UNCLASSIFIED

PAGE 02 BANGKO 16730 01 OF 06 140449Z

7. CHU THI KIM

8. CHU QUOC VIET
9. CHU BICH UYEN
10. CHU TRAN DAI
11. CHU BICH HA
12. CHU PHUONG DAI
13. CHU VAN NINH
14. VU THI CUC (MRS.)

15. DANG MINH CHIEU
16. LY NGOC ANH (MRS.)
17. DANG QUOC HUNG
18. LY QUANG BINH

19. DOAN THI BACH VAN
20. DOAN THI NUOI
21. DOAN THI DUONG
22. DOAN THI THUY

23. DUONG VAN ANH
24. PHAM KIM CHAU(MRS.)
25. DUONG QUOC PHUC
26. DUONG QUOC PHUONG

27. DUONG VAN CHAN
28. NGUYEN THI NAM (MRS.)
29. NGUYEN THI DA
30. NGUYEN DIEP NGOC
31. DUONG PHUOC THANH
32. DUONG PHUOC TAI
33. DUONG THUY MAI
34. DUONG PHUOC LOC
35. DUONG THUY PHUONG

36. HO SAC
37. LE THI KIM ANH (MRS.)
38. HO ANH DUNG
39. HO ANH THI QUINH HAO
40. HO KIM LOAN

41. HO VAN DAY
UNCLASSIFIED

UNCLASSIFIED

PAGE 03 BANGKO 16730 01 OF 06 140449Z

42. HOANG DE
43. TRAN THI BACH TUYET
44. HOANG HUNG
45. HOANG TUONG MAI
46. HOANG TUONG TRUC
47. HOANG TUON (SIC) LAN
48. HOANG TUONG VAN

49. HOANG TUONG VI

50. HOANG DUY HUNG

51. HOANG LIAN

52. HOANG THUA

53. LAM HONG NAM

54. HAN NGOC MINH

55. LE MINH CHAU

56. NGUYEN NGOC THUY

57. LE MINH HAI

58. NGUYEN VAN VAN

59. LE CANH VE

60. HUYEN TO NU CAM NHUNG

61. LETTHI TAN YUAN

62. LE CANH AN

63. LE CANH BANG

64. LE THI AN HAO

65. LE CANH THAI

66. LE CANH TUYEN DUC

67. LE CANH HUNG

68. LE MINH

69. BUI THI DAO (MRS.)

70. LE THI LE HA

71. LE SON

72. LE THI BICH THUY

73. LE THANH

74. LE MY

75. LE THI NGOC DUNG

76. LE THI NGOC LOAN

UNCLASSIFIED

UNCLASSIFIED

PAGE 04 BANGKO 16730 01 OF 06 140449Z

UNCLASSIFIED

NNN

UNCLASSIFIED

PAGE 01 BANGKO 16730 02 OF 06 140456Z

15

ACTION ITFE-00

INFO OCT-01 EA-09 ISO-00 SSO-00 DHA-02 ORM-01 L-03 AID-05

DODE-00 INSE-00 VOE-00 SCA-01 CIAE-00 INR-07 NSAE-00

INRE-00 /029 W

----- 060793

O R 140217Z AUG 75

FM AMEMBASSY BANGKOK

TO SECSTATE WASHDC IMMEDIATE 9529

INFO CG CAMP PENDLETON

CG FORT CHAFFEE ARK

ELGIN AFB FLA

CINCPACREP GUAM

INDIANTOWN GAP MR, PENN.

WAKE ISLAND

UNCLAS SECTION 2 OF 6 BANGKOK 16730

77. LE QUYEN TRUNG

78. HO A NGU (MRS.)

79. LE A KIEH

80. LE A KIEU

81. LE SY SANG

82. LE A DUNG

83. LE A XUAN

84. LE CONG SAU

85. LE A LAM

86. LE THI HUE

87. LE THI MAI

88. LE THI NGOC LUU

89. NGO QUANG VINH

90. NGO THI HUONG MAI

91. NGO QUANG LOC

92. NGO PHONG THINH

93. NGO THI MINH NGUYET

94. NGO THI THU HA

UNCLASSIFIED

UNCLASSIFIED

PAGE 02 BANGKO 16730 02 OF 06 140456Z

95. NGO HUNG CUONG

96. NGO QUANG MINH

97. NGO QUANG TRUONG

98. MA MOC SANG

99. TOHANG FOC SENG

100. LY VINH KOANG

101. LIEU MY DUYEN

102. CHAU THIEU HUNG

103. MAI VAN DAO
104. NGUYEN THI KHEN(MRS.)
105. HAI THI THUY HANG
106. MAI VAN HANG

107. NGO VAN QUANG
108. NGUYEN THI BAU (MRS.)
109. NGUYEN HUNG CUONG
110. NGUYEN THI KIEU PHUONG
111. NGO THI HUNG THUY
112. NGUYEN HUNG KIET
113. NGUYEN THI KIEU PHM VY
114. NGUYEN HUNG DUNG
115. NGO DUNG KHAO
116. NGO THI PHUONG CHI
117. NGO DANG KHOI
118. NGUYEN HUNG VIET
119. NGUYEN THI LE (MRS.)
120. NGUYEN THI TO ANH
121. NGUYEN THI VU
122. NGUYENVAN LAM
123. TEAN NGOC HONG
124. QUANG TU TRI
125. QUANG TU TIN

126. NGUYEN CHUONG
127. NGUYEN PHU QUOC
128. NGUYEN MINH TUANG

129. NGUYEN DINH KY
130. HUYNH THI KIM HONG

UNCLASSIFIED

UNCLASSIFIED

PAGE 03 BANGKO 16730 02 OF 06 140456Z

131. NGUYEN KIM PHONG HOA
132. NGUYEN TON NU SA DINH
133. NGUYEN THI NHO
134. NGUYEN KIM HUONG DUY
135. NGUYEN KIM HUONG DIEM

136. NGUYEN NGOC
137. PHAM THI DINH
138. PHAM THI
139. NGUYEN VAN MINH
140. PHAM THI SU
141. PHAM THI NHUNG
142. NGUYEN NGOC PHUONG

143. NGUYEN SY TAM
144. NGUYEN THANH CAO

145. NGUYEN NGOC
146. VO THI NGOC TUYET
147. NGUYEN THI TUYET NGOC
148. NGUYEN NGAN

149. NGUYEN NGOC HO
150. DANG THI TAM
151. NGUYEN VAN NGOC HO
152. NGUYEN THI LE
153. NGUYEN THI HUYEN
154. NGUYEN THI HANG
155. NGUYEN TAN HUNG
156. NGUYEN THI VOC
157. NGUYEN NGOC VU

158. NGUYEN THI LAN
159. NGUYEN THI MINH NGOC
160. NGUYEN THANH GIAC
161. NGUYEN THI KIM ANH
162. NGUYEN THI VAN TRANG

163. NGUYEN THANH LONG
164. NGUYEN THI MY (MRS.)
165. NGUYEN THANH DUNG
UNCLASSIFIED

UNCLASSIFIED

PAGE 04 BANGKO 16730 02 OF 06 140456Z

166. NGUYEN THANH AI

167. NGUYEN THANH NHAN

168. NGUYEN THI HAI (MRS.)
169. DUONG DY KIM LY
170. DUONG VY HOANG HUY
171. DUONG VY KIM PHUONG
172. DUONG VY HONG HA
173. DUONG VY THAY SON
174. DUONG VY PHONG LAM
175. NGUYEN NGOC TOAN

UNCLASSIFIED

NNN

UNCLASSIFIED

PAGE 01 BANGKO 16730 03 OF 06 140656Z

11

ACTION ITFE-00

INFO OCT-01 EA-09 ISO-00 SSO-00 DHA-02 ORM-01 L-03 AID-05

DODE-00 INSE-00 VOE-00 SCA-01 CIAE-00 INR-07 NSAE-00

INRE-00 /029 W

----- 061744

O R 140217Z AUG 75

FM AMEMBASSY BANGKOK

TO SECSTATE WASHDC IMMEDIATE 9530

INFO CG CAMP PENDLETON

CG FORT CHAFFEE ARK

ELGIN AFB FLA

CINCPACREP GUAM

INDIANTOWN GAP MR, PENN.

WAKE ISLAND

UNCLAS SECTION 3 OF 6 BANGKOK 16730

176. NGUYEN THI HONG NGOC

177. DUONG CAO KY

178. DUONG TU OANH

179. NGUYEN VAN KHAN

180. KHUU THI MINH TAM (MRS.)

181. NGUYEN THUY UYEN

182. NGUYEN TRINH

183. NGUYEN VAN DE

184. NGUYEN BA CONG

185. NGUYEN ANH DUNG

186. NGUYEN VAN MY

187. NGUYEN VAN VAN

188. VU THI KUANG (MRS.)

189. NGUYEN VAN BACH

190. NGUYEN THI MINH

191. NGUYEN THI LOI

192. NGUYEN THI THUY

UNCLASSIFIED

UNCLASSIFIED

PAGE 02 BANGKO 16730 03 OF 06 140656Z

193. NGUYEN VAN VUONG

194. NGUYEN VAN TAI

195. NINH THE CAM

196. PHAN THI CAM VAN
197. PHAN CAM PHI
198. NGUYEN THI TRUONG
199. NGUYEN KIM NUONG

200. PHAN TRINH
201. TRAN THI TINH
202. PHAN VAN HOA
203. PHAN THI LAN

206. PHAM VAN HUNG
207. TRAN THI DAO (MRS.)
208. TRAN THI KIM LAN
209. PHAM THAN THUY LU
210. PHAM TRAN THUY TRAN
211. PHAM TRAN QUYNH THU
212. PHAM TRAN QUYNH THY
213. PHAM TRAN THUY KHUE
214. PHAM TRAN THUY VU

215. PHU NGOC LUC
216. LAM THI HUE (MRS.)
217. PHU KIM LEN (MRS.)
218. HUYNH VAN QUANG
219. PHU XE CHEN
220. HUYNH THI VAN
221. HUYNH BICH VAN
222. LAM CHI GIANG
22". LAM BINH XI
224. PHAN MOI
225. PHAN VAN LAC
226. THAN THI MAI CUC

227. QUACH VAN DIEM
228. LIEN GIA HUOI
229. LIEN GIA LIET
UNCLASSIFIED

UNCLASSIFIED

PAGE 03 BANGKO 16730 03 OF 06 140656Z

230. LIEN GIA HI

231. THAI VINH GIAI
232. CAO VINH TANG
233. CAO THAO TOAN
234. CAO THAO TAM
235. CAO HUE PHAN
236. CAO HUE LINH

237. THONG PHUNG MUI (MRS.)
238. GIP MAN
239. GIP THUY HANH

240. GIP TUAN
241. GIP DON
242. GIP THI XUAN
243. UNG SINH VINH
244. THONG PHUNGKIM (MRS.)
245. UNG GIA VINH
246. LI TAC LIANG
247. LI TAC SUI
248. DAO TE KIET
249. DANG KHUONG
250. POU DUC TUONG

251. TONGHUU GIA
252. TRANG THI KIM CHI (MRS.)

253. TONG HUU HAM
254. TONG HUU HAI
255. TRANG CHI TRUNG
256. PHAN HUNG SON

257. TRAN MANH DUNG

258. TRAN PHAM TRUONG
259. LE THI LIEU (MRS.)
260. THAN THI KIM ANH

261. THAN QUANG BACH
262. NGUYEN THI CUC (MRS.)
UNCLASSIFIED

UNCLASSIFIED

PAGE 04 BANGKO 16730 03 OF 06 140656Z

263. TRAN MINH HOANG
264. TRAN THI KOM HUYEN
265. TRAN THI VUONG
266. TRAN PHUONG KHUONG
267. TRAN VAN TRANG

268. TRAN VAN PHUONG
269. NGO THI TY (MRS.)
270. TRAN THI THUY TRINH
271. HA DUY LUU

272. TRAN VAN HUNG
273. TRAN THI CHI MAI (MRS.)
274. TRAN ANH MINH
275. TRAN MINH QUAN

UNCLASSIFIED

NNN

UNCLASSIFIED

PAGE 01 BANGKO 16730 04 OF 06 140544Z

11

ACTION ITFE-00

INFO OCT-01 EA-09 ISO-00 SSO-00 DHA-02 ORM-01 L-03 AID-05

DODE-00 INSE-00 VOE-00 SCA-01 CIAE-00 INR-07 NSAE-00

INRE-00 /029 W

----- 061189

O R 140217Z AUG 75

FM AMEMBASSY BANGKOK

TO SECSTATE WASHDC IMMEDIATE 9531

INFO CG CAMP PENDLETON

CG FORT CHAFFEE ARK

ELGIN AFB FLA

CINCPACREP GUAM

INDIANTOWN GAP MR, PENN.

WAKE ISLAND

UNCLAS SECTION 4 OF 6 BANGKOK 16730

276. TRAN VAN TIEU

277. NGUYEN THI CHI

278. TRAN VINH LOC

279. TRAN THI TUYET MAI

280. TRAN VAN SON

281. TRAN XUAN LAN

282. PHU HUY CHIL

283. TRAN THI HUE

284. PHILIP W. BUCHANAM

285. TRAN XUAN LANG

286. TRAN ANH TUYET (MRS.)

287. TRAN THI TUYET THU

288. TRAN THI TUYET TAM

289. TRAN LEEAN LIEM

290. TRANG DIEU-QUI

291. TRUONGDIEU QUANG

UNCLASSIFIED

UNCLASSIFIED

PAGE 02 BANGKO 16730 04 OF 06 140544Z

292. TRUONG THI THOMAS
293. NGO THE VINH
294. LE THI MAI TRANG
295. TRUONG TU ANH
296. NGO THENGIEN TRANG
297. NGO THE THI DINH TOAN

298. TRUONG TRUNG DONG
299. NGO KIM HOANG (MRS.)
300. NGO QUANG TRI
301. NGO KIM ANH
302. NGO KIM YEN
303. NGO HUU PHUOC
304. VAN BA OANH
305. NGUYEN THI MEN (MRS.)
306. VAN THI DUC
307. VAN THI TRANH THUY

308. BUI THANH LONG
309. BUI THANH DINH

310. BUI QUANG VINH
311. BUI VAN MINH

312. BUI THE HAI

313. BUI VAN THAI
314. LEE THI TU
315. BUI THI PHONG
316. BUI DUC THANH
317. BUI QUOC DUNG
318. BUI KIEN TOAN
319. BUI THI THAN THUY
320. BUI ANH TUAN

321. DAM SY HOANG
322. NGUYEN THI NHO LOAN
323. DAM MANH MINH
324. DAM TRONG HIEP
325. DAM SY VU
UNCLASSIFIED

UNCLASSIFIED

PAGE 03 BANGKO 16730 04 OF 06 140544Z

326. DAM SY DINH
327. DAM SY BAO
328. NGUYEN NHU PHUONG

329. DANG KIM CAN

330. NGUYEN THI HAI (MRS.)
331. DANG THI KIM HUNG
332. DANG KIM CO
333. DANG THI SAM
334. DANG THI MAI
335. DANG VAN HOANG

336. DO THI DUOM
337. VU THI XUAN DAO
338. NGO THI THANH BINH

345. HO THE BA
346. LE DINH PHUONG

347. LE THI HIEN

348. LE THI THU HUONG
349. LE QUOC CUONG

350. LE VAN BA
351. DIEP THI THI
352. LE QUOC CONG
353. LE DIEP SY
354. LE DIEP TUYET HANG
355. LE DIEP MY DUNG
356. LE DIEP DA THAO
357. LE DIEP TIEN
358. LE DIEP SON

359. NGUYEN CANH
360. NGUYEN PHI DUNG

365. NGUYEN HUU CHINH
366. NGUYEN HUU NHO

367. NGUYEN KHAC NIEM
UNCLASSIFIED

UNCLASSIFIED

PAGE 04 BANGKO 16730 04 OF 06 140544Z

368. TRAN VAN LANH

369. NGUYEN LE VY

370. NGUYEN LONG SON
371. NGUYEN THI QUAN
372. NGUYEN LONG HA
373. NGUYEN LONG THIEN LINH
374. NGUYEN LONG HONG NGOC
375. NGUYEN CONG THANH

UNCLASSIFIED

NNN

UNCLASSIFIED

PAGE 01 BANGKO 16730 05 OF 06 140625Z

12

ACTION ITFE-00

INFO OCT-01 EA-09 ISO-00 SSO-00 DHA-02 ORM-01 L-03 AID-05

DODE-00 INSE-00 VOE-00 SCA-01 CIAE-00 INR-07 NSAE-00

INRE-00 /029 W

----- 061505

O R 140217Z AUG 75

FM AMEMBASSY BANGKOK

TO SECSTATE WASHDC IMMEDIATE 9532

INFO CG CAMP PENDLETON

CG FORT CHAFFEE ARK

ELGIN AFB FLA

CINCPACREP GUAM

INDIANTOWN GAP MR, PENN.

WAKE ISLAND

UNCLAS SECTION 5 OF 6 BANGKOK 16730

376. NGUYEN MINH SON

377. NGUYEN THI DAO

378. NGUYEN MINH TACH

379. NGUYEN MINH PHOUNG

380. NGUYEN MINH HOUNG

381. NGUYEN THI THUY

382. NGUYEN THI NGA

383. NGUYEN NGOC LE

384. NGUYEN QUYNH

385. NGUYEN THI HAO

386. NGUYEN VAN CHUNG

387. NGUYEN VAN HINH

388. DO THI NGA

389. NGUYEN THI THU THUY

390. NGUYEN TIEN LONG

391. NGUYEN THI KIM ANH

UNCLASSIFIED

UNCLASSIFIED

PAGE 02 BANGKO 16730 05 OF 06 140625Z

392. NGUYEN DUC TRONG

393. NGUYEN VAN LANH

394. NGUYEN THI BEN

395. NGUYEN THI NU

396. NGUYEN THI LIEN

397. NGUYEN THI HUONG

398. NGUYEN THI THANH

399. NGUYEN VAN CHONG

400. NGUYEN THI AI

401. NGUYEN DUY VIET

402. NGUYEN THI MINH THAO

403. NGUYEN THI MINH THU

404. NGUYEN ANH TUAN

405. NGUYEN ANH DUNG

406. NGUYEN THI MINH TRAM

407. PHAM THI KIM CLINE

408. LOAN CLINE

409. ROBERT WILL. CLINE

410. PHAM VAN KY

411. LE THI THANH (MRS.)

412. PHAM HONG VAN

413. PHAM HONG CHOUNG

414. PHAM HONG TRUC

415. TRAN ANH TUAN

416. TRAN KIM OANH

417. TRAN DUC HIEP

418. TRAN KIM HOANG

419. TRAN THI NGUYET

420. TRAN DUC HIEN

421. TRAN XUAN TUYEN

422. UNG VAN BON

423. HOANG THI THEIR

424. UNG VAN DAC

425. UNG THI HOAN

UNCLASSIFIED

UNCLASSIFIED

PAGE 03 BANGKO 16730 05 OF 06 140625Z

426. UNG VAN

427. UNG THI HIEN

428. PHAM QUOC TRY

429. DAO THI MEN
430. PHAM QUOC ANH
431. PHAM QUOC HUNG
432. PHAM HIEN TRANG
433. PHAM QUOC TAON
434. PHAM QUOC HUY
435. PHAM XUAN THANG
436. DOA MINH THINH

CAMBODIAN REFUGEES

437. KHEM SAVAT
438. KROUCH VANSY
439. KHEM SUNDARY
440. KHEM RITHIPOL
441. KHEM SETHIKUN
443. KHEM PLSAK
444. KHEM KUNACHEAT
445. KHEM SERICHON

446. LY VENG
447. BOUA KHAM
448. VIENG KEO
449. VIENG PHET

450. MAO SAVETH
451. MAO SARY
452. MAO SAVY
453. MAO SONY
454. MEAS SOKHA

455. PHOU CHU LIM
456. PHOU SOU PHEAV
457. PHOU LY PHEAV
458. NEANG HANG
459. NEANG LEING
460. LA TY
461. LAO NENG
462. RY NGOR
UNCLASSIFIED

UNCLASSIFIED

PAGE 04 BANGKO 16730 05 OF 06 140625Z

463. TAN LEAN ENG
464. SEDDEY PONG NGO
465. THON SAM
466. THON SAMNANG
467. THON SATHUM
468. THON SAVATH
469. THON PONCHANRA
470. THON BONKESATHANA
471. THON BONSATHANMONY
472. THON BONMOLISLAC

473. THON SAMBO

INDIVIDUAL-SPECIAL PROGRAM FOR REFUGEES EX INDOCHINA

474. TRAN NHAN VAN

475. NGUYEN OANH THU (MRS.)

476. TRAN NAM CHAN THI

477. TRAN DINH KHANH NGUYEN

UNCLASSIFIED

NNN

UNCLASSIFIED

PAGE 01 BANGKO 16730 06 OF 06 140616Z

12

ACTION ITFE-00

INFO OCT-01 EA-09 ISO-00 SSO-00 DHA-02 ORM-01 L-03 AID-05

DODE-00 INSE-00 VOE-00 SCA-01 CIAE-00 INR-07 NSAE-00

INRE-00 /029 W

----- 061466

O R 140217Z AUG 75

FM AMEMBASSY BANGKOK

TO SECSTATE WASHDC IMMEDIATE 9533

INFO CG CAMP PENDLETON

CG FORT CHAFFEE ARK

ELGIN AFB FLA

CINCPACREP GUAM

INDIANTOWN GAP MR, PENN.

WAKE ISLAND

UNCLAS SECTION 6 OF 6 BANGKOK 16730

478. TRAN NAM PHUONG THI

479. TRAN NGHIA TRUNG

480. TRAN NAM CHAU THI

481. NGUYEN LOI THI

482. NGUYEN CONG DZUNG

483. KLOAMKLOM MAEN

484. NGUYEN KESANEE

485. NGUYEN PORNPILAI

VIETNAMESE REFUGEES--SELF PAYERS

486. CAO KY ANH

487. PHU KIM LIEN

488. NGUYEN DANG KHOI

489. TRAN KIM ANH

490. NGUYEN DANG KHUONG

491. NGUYEN DANG KHANH

ADDITIONS:

UNCLASSIFIED

UNCLASSIFIED

PAGE 02 BANGKO 16730 06 OF 06 140616Z

492. HO DAC BIEN

493. NIENG PATHOUM PHONE

494. LY HOUI THECK

495. LY MIENE

496. LY MENGE

WHITEHOUSE

UNCLASSIFIED

NNN

Message Attributes

Automatic Decaptioning: X
Capture Date: 01 JAN 1994
Channel Indicators: n/a
Current Classification: UNCLASSIFIED
Concepts: REFUGEE RESETTLEMENT
Control Number: n/a
Copy: SINGLE
Draft Date: 14 AUG 1975
Decaption Date: 01 JAN 1960
Decaption Note:
Disposition Action: n/a
Disposition Approved on Date:
Disposition Authority: n/a
Disposition Case Number: n/a
Disposition Comment:
Disposition Date: 01 JAN 1960
Disposition Event:
Disposition History: n/a
Disposition Reason:
Disposition Remarks:
Document Number: 1975BANGKO16730
Document Source: CORE
Document Unique ID: 00
Drafter: n/a
Enclosure: n/a
Executive Order: N/A
Errors: N/A
Film Number: D750280-0967
From: BANGKOK
Handling Restrictions: n/a
Image Path:
ISecure: 1
Legacy Key: link1975/newtext/t19750850/aaaabrsl.tel
Line Count: 893
Locator: TEXT ON-LINE, ON MICROFILM
Office: ACTION ITFE
Original Classification: UNCLASSIFIED
Original Handling Restrictions: n/a
Original Previous Classification: n/a
Original Previous Handling Restrictions: n/a
Page Count: 17
Previous Channel Indicators: n/a
Previous Classification: n/a
Previous Handling Restrictions: n/a
Reference: 75 STATE 189201
Review Action: RELEASED, APPROVED
Review Authority: izenbei0
Review Comment: n/a
Review Content Flags:
Review Date: 27 JAN 2003
Review Event:
Review Exemptions: n/a
Review History: RELEASED <27 JAN 2003 by ReddocGW>; APPROVED <23 MAR 2004 by ShawDG>; APPROVED <23 MAR 2004 by izenbei0>
Review Markings:

Margaret P. Grafeld
Declassified/Released
US Department of State
EO Systematic Review
06 JUL 2006

Review Media Identifier:
Review Referrals: n/a
Review Release Date: n/a
Review Release Event: n/a
Review Transfer Date:
Review Withdrawn Fields: n/a
Secure: OPEN
Status: NATIVE
Subject: ICEM CHARTER FROM THAILAND TO US ATTN: IATF
TAGS: SREF, TH, US, VS, CB
To: STATE
Type: TE
Markings: Margaret P. Grafeld Declassified/Released US Department of State EO Systematic Review 06 JUL 2006